

## **CH NG TRÌNH GIÁO D C TRUNG C P CHUYÊN NGHIỆP**

- 1. Ngành ào t o: Tin h c v n phòng**
- 2. Mã ngành: 53261**
- 3. Th i gian ào t o: 24 tháng**
- 4. i t ng: H c sinh t t nghi p trung h c ph thông**
- 5. Gi i thi u ch ng trình:**

5.1. Ch ng trình này do Hi u tr ng tr ng C SP Hu ban hành làm c n c ào t o Trung c p chuyên nghi p chuyên ngành Tin h c v n phòng.

Kh i l ng ki n th c c a ch ng trình c xác nh phù h p v i ch ng trình mà B GD& T ã quy nh cho ch ng trình giáo d c trung c p chuyên nghi p. Th i gian ào t o c a m i môn h c quy nh trong ch ng trình m b o 60% lý thuy t, 40% th c hành.

5.2. Ch ng trình c biên so n theo h ng i m i ph ng pháp d y h c, tinh gi m s gi lý thuy t, dành nhi u th i gian cho h c sinh c tài li u, làm bài t p, th o lu n, th c hành t i c s . Khi t ch c ào t o c n k t h p các ph ng pháp, hình th c sau:

- D y h c lý thuy t trên l p
- D y h c, th c hành t i các c s
- Th c hành và th c t p t i v n phòng các c quan, n v xã h i trong l nh v c hành chính và qu n lý hành chính Nhà n c

Sau khi t t nghi p h c sinh c b trí làm v n phòng các c quan hành chính, doanh nghi p, các t ch c xã h i,... ng th i h c sinh có th h c liên thông lên trình Cao ng.

### **6. M c tiêu ào t o:**

#### **6.1. M c tiêu chung**

ào t o ng i lao ng có ki n th c, k n ng ngh nghi p trình trung h c chuyên nghi p (chuyên ngành Tin h c v n phòng), có o c, l ng tâm ngh nghi p,

ý th c k lu t, tác phong công nghi p, có s c kh e, nh m t o i u ki n cho ng i lao ng có kh n ng tìm ki m vi c làm, áp ng yêu c u phát tri n kinh t - xã h i, c ng c qu c phòng, an ninh.

Sau khi t t nghi p, h c sinh có ki n th c và k n ng v công tác tin h c, m ng c công vi c c a chuyên viên và nhân viên trong l nh v c công ngh thông tin, có th làm vi c t i v n phòng các c quan hành chính, doanh nghi p, các t ch c xã h i,...

## **6.2. M c tiêu c th**

### **a. V ki n th c**

H c sinh có trình trung c p ngành Tin h c v n phòng có ki n th c v :

- Khoa h c máy tính.

- Hình thành và phát tri n ng i h c n ng l c tham m u, t v n và ng d ng công ngh thông tin trong công tác.

- Trên c s ki n th c c trang b trình cao ng, ng i h c có kh n ng nghiên c u khoa h c ho c ti p t ch c các trình cao h n.

- So n th o, thi t k v n b n, t ch c qu n lý thông tin cho c quan và lãnh o c quan; n m c ki n th c chuyên môn v nghi p v v n phòng.

- Qu n lý c s d li u, qu n lý h th ng máy tính

- S d ng các thi t b v n phòng

- Ho t ng máy tính, m ng Internet, các d ch v trên m ng, bi t cách phòng ch ng virus máy tính, ... ph c v công tác v n phòng.

- Duy tu, b o trì h th ng d li u, cài t h i u hành và m t s ph n m m c b n,...

### **b. V chính tr t t ng:**

- Trung thành v i T qu c, có hi u bi t và ch p hành nghiêm ch nh chính sách, pháp lu t c a ng và Nhà n c, có o c và l i s ng v n minh.

- Có ý th c t ch c k lu t, tinh th n trách nhi m, bi t làm vi c trong t p th . Có tác phong công nghi p, phong cách làm vi c n ng ng, sáng t o, t tin.

- Có tinh th n nghiêm túc trong công vi c, yêu ngh và ý th c tìm tòi h c h i, không ng ng nâng cao trình v n hóa, chuyên môn nghi p v .

c. V s c kh e và giáo d c qu c phòng: Có s c kh e h c t p, công tác và th c hi n ngh a v qu c phòng toàn dân.

## 7. Kế hoạch thi cử:

### 7.1. Khối lượng kiến thức và thời gian ôn tập

Họ tên người ôn tập	Đơn vị tính	Học vụ năm THPT	Ghi chú
1. Học	Tuần	52	
2. Sinh hoạt công dân	Tuần	1	
3. Thi	Tuần		
3.1 Thi học phần	Tuần	8	
3.2 Thi tốt nghiệp		2	
4. Thực tập			
4.1 Thực tập môn học	Tuần	5*	
4.2 Thực tập tốt nghiệp	Tuần	10	
5. Học ngoại khóa	Tuần	1	
6. Nghề, nghề t, nghề l	Tuần	13	
7. Lao động công ích	Tuần	2	
8. Dự	Tuần	4	
Tổng cộng		98	

\* Số tuần học sinh thực tập môn học vào các buổi trong tuần (5 tuần)

### 7.2. Các môn học các chuyên ngành trình và thi lập

Tên môn học	Số tiết học			Môn thi	B trí theo học kỳ			
	TS	LT	TH		HK1	HK2	HK3	HK4
<b>A. Môn chung</b>								
1. Chính trị	90	70	20	Thi	x	x		
2. Giáo dục qu c phòng	75	25	50	Thi			x	
3. Thể dục thể thao	60	5	55	Thi		x		
4. Giáo dục pháp luật	30	20	10	Thi		x		
5. Tiếng Anh	120	56	64	Thi	x	x	x	
6. Tin học	60	26	34	Thi	x			

<b>B. Môn c s riêng</b>								
1. K toán i c ng	30			Thi	x			
2. Nghi p v v n th l u tr	45			Thi		x		
<b>C. Môn c s chung</b>								
1. Toán cao c p	75			Thi	x			
2. Microsoft Word	45			Thi		x		
3. Microsoft Excel	45			Thi		x		
4. Thu t toán l p trình	75			Thi		x		
5. M ng máy tính	60			Thi			x	
6. Micro Access	60			Thi			x	
7. B o trì máy tính	45			Thi			x	
8. Internet - Web	60			Thi				x
<b>D. Môn chuyên môn</b>								
1. Excel nâng cao	30			Thi			x	
2. V n b n QLNN và KT so n th o	45			Thi			x	
3. Thi t k v n b n trên máy tính	60			Thi			x	
4. Nghi p v th ký	45			Thi		x		
5. Thi t b v n phòng	30			Thi				x
6. Ti ng Anh chuyên ngành	120			Thi			x	x
7. Nh p môn QLHCNN	30			Thi	x			

**T ng c ng: 1335 tỉ t – 90 n v h c trình**

#### **7.4. Th c t p**

Môn th c t p	H s	Th i l ng		N m th 1		N m th 2		a i m
		Tu n	Gi	HK1	HK2	HK3	HK4	

Th c hành t i tr ng		5	150	30	30	60	30	
Th c t p t t nghi p (HS t liên h )		10	300				10 tu n	

**T ng c ng: 15 tu n - 450 gi - 450 ti t – 30 vht**

**7.5. Môn thi t t nghi p:**

<b>STT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Hình th c thi</b>	<b>Th i gian</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chính tr	T lu n	120 phút	
2	Lý thuy t t ng h p ngh nghi p	T lu n	120 phút	
3	Th c hành ngh nghi p	T lu n	120 phút	

**HI U TR NG  
CH T CH H KH& T**